(13)

VP UBND HẢI PHÒNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
Thành phố Hải Phòng
— ## —

Số: 693 /QĐ-UB.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHU NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
——— *** ———

Hải Phòng, ngày 19 tháng 5 năm 1995.

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Quy định giá lắp đặt máy điện thoại, fax, telex.

-- oOo --

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban Nhân dân;

- Căn cứ Quyết định số 137/HĐBT ngày 27 tháng 4 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về quản lý giá;

- Xét Tờ trình số 26/TTr-LS ngày 10 tháng 5 năm 1995 của Liên Sở Tài chính - Bưu điện về giá lắp đặt máy điện thoại, fax, telex;

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I . Nay quy định giá lắp đặt máy điện thoại, fax, telex cho các đối tượng sử dụng trong địa bàn thành phố (có phụ lục kèm theo).

- Sở Tài chính và Bưu điện Thành phố hướng dẫn thi hành Quyết định này.

ĐIỀU II . Bưu điện thành phố Hải Phòng được quy định giá di chuyển địa điểm đặt máy điện thoại, fax, telex trên cơ sở mức giá lắp đặt máy điện thoại, fax, telex tại Quyết định này.

ĐIỀU III . Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 1995. Các quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

ĐIỀU IV . Các ông, bà Chánh Văn phòng Uỷ ban Nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Bưu điện thành phố Hải Phòng và các đối tượng lắp đặt thông tin thi hành Quyết định này./.

T/M. UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Gia Phách

Nơi nhận:
- TT TU, TT HĐND TP.
- CT, các PCT UBND TP.
- Ban Vật giá CP (để b/c).
- Tổng cục Bưu điện.
- Như điều 4.
- Báo HP, Đài PTTH HP.
- CPVP, CV: GT, CN, TH, TC
- Lưu VP

PHỤ LỤC

(Giá lắp đặt máy điện thoại, fax, telex ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-UB ngày 19 tháng 5 năm 1995 của Uỷ ban Nhân dân thành phố Hải Phòng)

a. Máy điện thoại:

Đơn vị tính: đồng.

Đối tượng / Địa điểm	Ngân sách thanh toán	Các doanh nghiệp và tư nhân	Các văn phòng đại diện nước ngoài, các cơ sở liên doanh với nước ngoài, người nước ngoài.
- Các quận nội thành, TX Đồ Sơn.	2.000.000	2.600.000	4.500.000
- Các huyện Thuỷ Nguyên, Kiến Thụy, An Lão, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Hải.	2.000.000	2.000.000	4.500.000
- Huyện Cát Hải.	1.500.000	1.500.000	4.500.000

b. Máy fax, telex:

Đơn vị tính: đồng.

Đối tượng / Địa điểm	Ngân sách thanh toán	Các doanh nghiệp và tư nhân	Các văn phòng đại diện nước ngoài, các cơ sở liên doanh với nước ngoài, người nước ngoài.
- Các quận nội thành, TX Đồ Sơn.	2.300.000	2.900.000	4.800.000
- Các huyện Thuỷ Nguyên, Kiến Thụy, An Lão, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, An Hải.	2.300.000	2.300.000	4.800.000
- Huyện Cát Hải.	1.800.000	1.800.000	4.800.000

*/ Giá lắp đặt máy điện thoại, fax, telex trên chưa có máy. Tùy theo yêu cầu của khách hàng, Bưu điện thành phố Hải Phòng có trách nhiệm cung ứng máy và thông báo giá của từng loại máy với nguyên tắc không cao hơn giá thị trường cùng chủng loại trong cùng thời điểm.

- Các loại máy do Bưu điện bán, khách hàng phải trả chi phí kiểm định.

- Nếu máy không do Bưu điện bán khách hàng phải trả chi phí kiểm định theo giá quy định : máy điện thoại 20.000đ/máy; fax, telex 500.000đ/máy.

**/ Nếu đã lắp đặt máy điện thoại thì khi lắp đặt thêm fax hoặc telex thì phải trả thêm chi phí dây đất, hướng dẫn sử dụng và công lắp đặt là 300.000đ/máy./.